

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25/7/2016 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc tổ chức cụm, khối thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ Thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 649/TTr-SNV, ngày 30/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua của tỉnh và các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức, quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức hội cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp trong các khối thi đua của tỉnh; Trưởng các cụm, khối thi đua của tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*✍*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban ĐĐ-KT Trung ương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng ĐĐ-KT tỉnh;
- Sở Nội vụ (3b);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (BTh, 200b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động cụm, khối thi đua

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **928/QĐ-UBND** ngày **11/4/2018**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động của các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức và các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức và hoạt động trên cơ sở cụ thể hóa các quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thành viên trong các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức, thành lập và các cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức, quản lý.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức cụm, khối thi đua

1. Việc thành lập các cụm, khối thi đua của tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; các cụm, khối thi đua được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, quản lý, quy định tổ chức và hoạt động theo thẩm quyền, không trái với quy định này.

2. Tổ chức cụm, khối thi đua gồm cụm trưởng, khối trưởng, cụm phó, khối phó và các đơn vị thành viên. Cụm trưởng, cụm phó; khối trưởng, khối phó do các đơn vị trong cụm, khối thi đua lựa chọn, giới thiệu luân phiên trong hội nghị tổng kết năm và tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối thi đua ngay sau khi được lựa chọn.

3. Cụm, khối thi đua được quy định tại Điều 2 quy chế này hoạt động theo nguyên tắc bình đẳng, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và phát triển. Các đơn vị trong cụm, khối sử dụng con dấu của đơn vị mình làm cơ sở pháp lý ban hành các văn bản phục vụ hoạt động thi đua của cụm, khối. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị thành viên là bộ phận giúp việc của đơn vị.

Điều 4. Nhiệm vụ của cụm, khối thi đua

1. Nhiệm vụ của cụm trưởng, khối trưởng

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cụm, khối về tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức, điều hành các hoạt động thi đua; chủ trì các hội nghị của cụm, khối, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Đầu năm đôn đốc các đơn vị thành viên trong cụm, khối đăng ký các chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua làm cơ sở xây dựng nội dung giao ước thi đua của cụm, khối và làm cơ sở đánh giá sơ kết, tổng kết, chấm điểm thi đua và suy tôn, đề nghị khen thưởng hàng năm.

c) Tổ chức phát động và ký kết giao ước thi đua; tổ chức các cuộc hội thảo chuyên đề trao đổi về nghiệp vụ, kinh nghiệm trong công tác thi đua, khen thưởng, nhằm từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của cụm, khối thi đua.

d) Xây dựng các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm và thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị quản lý tổ chức, hoạt động cụm, khối; ban hành bảng chấm điểm của cụm, khối thi đua phù hợp với tính chất chức năng, nhiệm vụ được giao của mỗi đơn vị thành viên và yêu cầu thực tiễn của đơn vị, địa phương; lượng hóa các chỉ tiêu thi đua, các thang, bảng chấm điểm hàng năm theo hướng dẫn và các tiêu chí chủ yếu đã quy định.

đ) Tổng hợp kết quả các cuộc họp của cụm, khối; thống nhất với các cụm phó, khối phó về hình thức, phương pháp tổ chức kiểm tra việc phát động thi đua, thực hiện, đánh giá kết quả phong trào thi đua và xác định điểm thi đua của mỗi đơn vị thành viên trong khối theo các nội dung, chỉ tiêu đã giao ước từ đầu năm.

e) Đề nghị các đơn vị thành viên trong cụm, khối báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký; cung cấp các căn cứ định điểm của đơn vị trong năm thi đua và các thông tin liên quan phục vụ cho hoạt động của cụm, khối.

f) Chủ trì việc thẩm định lại bảng tự chấm điểm thi đua cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua trên cơ sở các tài liệu, văn bản minh chứng do đơn vị thành viên cung cấp. Cụm trưởng, khối trưởng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý tổ chức, hoạt động cụm, khối về trách nhiệm thẩm định lại điểm tự chấm và tổng hợp điểm chung các đơn vị trong cụm, khối thi đua. Thay

mặt các đơn vị thành viên báo cáo giải trình với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và cơ quan quản lý trực tiếp cụm, khối khi cần thiết.

g) Phối hợp báo cáo với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị quản lý (đối với cụm, khối do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức, quản lý) về kết quả đánh giá thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và các chỉ tiêu đã giao ước của các thành viên trong cụm, khối thi đua; kết quả tổng hợp chấm điểm và các tài liệu minh chứng do Cụm trưởng, khối trưởng cung cấp; báo cáo làm rõ điểm chấm, điểm thẩm định các chỉ tiêu thi đua các đơn vị thành viên (nếu có) trước ngày diễn ra Hội nghị tổng kết cụm, khối thi đua tối thiểu 3 ngày.

h) Tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động của cụm, khối thi đua hàng năm; tổ chức các cuộc kiểm tra trong cụm, khối; đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua, Bằng khen cho các đơn vị tiêu biểu trong cụm, khối thi đua theo quy định.

i) Giới thiệu cụm trưởng, khối trưởng, cụm phó, khối phó thi đua của năm tiếp theo.

k) Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thành viên.

2. Nhiệm vụ của cụm phó, khối phó

a) Phối hợp với cụm trưởng, khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch, phương pháp tổ chức điều hành các hoạt động; thang, bảng chấm điểm các chỉ tiêu thi đua của cụm, khối thi đua.

b) Cùng với cụm trưởng, khối trưởng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý về tổ chức, hoạt động cụm, khối thi đua về trách nhiệm thẩm định lại điểm tự chấm và tổng hợp điểm chung các đơn vị trong cụm, khối thi đua theo các điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Thay mặt cụm trưởng, khối trưởng điều hành, giải quyết các công việc của cụm, khối khi được cụm trưởng, khối trưởng ủy quyền.

d) Làm trưởng đoàn kiểm tra theo sự phân công của cụm trưởng, khối trưởng và kế hoạch của cụm, khối thi đua.

đ) Thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thành viên.

3. Nhiệm vụ của các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua

a) Đăng ký các nội dung, chỉ tiêu thi đua (nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu pháp lệnh, chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị, địa phương, ngành, lĩnh vực; chỉ tiêu về công tác xây dựng Đảng, đoàn thể...) và nhiệm vụ công tác thi đua hàng năm gửi cụm trưởng, khối trưởng trong quý I hàng năm.

b) Tổ chức phát động, triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã ký kết giao ước thi đua.

c) Tự chấm điểm thi đua của đơn vị mình theo các nội dung, tiêu chí đã ký kết và gửi báo cáo kết quả, các văn bản, căn cứ có liên quan đến việc đánh giá chấm điểm cho cụm trưởng, khối trưởng tổng hợp, thẩm định. Cung cấp văn bản, tài liệu minh chứng, báo cáo giải trình với cụm trưởng, khối trưởng, cụm phó, khối phó về điểm tự chấm.

d) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp do cụm trưởng, khối trưởng triệu tập. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

đ) Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của cụm, khối thi đua theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (nếu có); tham gia bình xét khen thưởng cho các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

e) Tham gia các đoàn kiểm tra do cụm trưởng, khối trưởng thành lập, cung cấp đầy đủ nội dung, tài liệu minh chứng theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

g) Đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng của cụm, khối và của tỉnh trong giai đoạn mới. Phát hiện, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua để các đơn vị thành viên tham quan, học tập kinh nghiệm.

h) Tham gia các hoạt động khác do cụm, khối thi đua thống nhất tổ chức.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 5. Hội nghị ký kết giao ước thi đua đầu năm

1. Thành phần

a) Đối với cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, tổ chức, thành phần gồm: Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh được giao phụ trách theo dõi, chỉ đạo cụm, khối thi đua; Lãnh đạo và chuyên viên Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

b) Đối với cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý, tổ chức, thành phần gồm: Thủ trưởng và cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị quản lý cụm, khối thi đua; Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

2. Nội dung

a) Đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của cụm, khối thi đua (nếu có).

b) Xây dựng nội dung giao ước thi đua gắn với chủ đề, mục tiêu chung; chủ đề, mục tiêu, chỉ tiêu riêng của các đơn vị thành viên.

c) Tổ chức phát động và ký kết giao ước thi đua của cụm, khối thi đua.

3. Thời gian tổ chức hoàn thành trong quý I của năm thi đua. Riêng khối Giáo dục và Đào tạo (các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục thi đua theo năm học) tổ chức trước ngày 30/10 hàng năm.

Điều 6. Hội nghị sơ kết phong trào thi đua 6 tháng đầu năm

1. Thành phần như quy định tại khoản 1, Điều 5, Quy chế này.

Riêng cụm thi đua huyện, thành phố và cụm thi đua xã, phường, thị trấn do cấp huyện quản lý chỉ định 2 đến 3 đơn vị thành viên mời một đại diện điển hình tiên tiến tiêu biểu, xuất sắc báo cáo tại Hội nghị.

2. Nội dung

a) Thông qua dự thảo báo cáo sơ kết phong trào thi đua 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của cụm, khối thi đua.

b) Giới thiệu kết quả xây dựng mô hình, điển hình mới của đơn vị.

c) Tọa đàm, trao đổi về các phương pháp nghiệp vụ; kinh nghiệm đổi mới công tác thi đua khen thưởng của cụm, khối, đặc biệt là phương pháp đánh giá, kiểm tra, lượng hóa tiêu chí thi đua, biện pháp nhân rộng điển hình tiên tiến, những mô hình mới, những nhân tố mới hiệu quả trên các lĩnh vực đặc thù theo các cụm, khối thi đua.

3. Thời gian tổ chức hoàn thành trước ngày 15/7 của năm thi đua. Riêng khối Giáo dục và Đào tạo (các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục thi đua theo năm học) tổ chức vào thời điểm sau khi kết thúc học kỳ I của năm thi đua.

Điều 7. Hội nghị tổng kết phong trào thi đua

1. Thành phần như quy định tại khoản 1, Điều 5, Quy chế này.

2. Nội dung

a) Đánh giá kết quả hoạt động của cụm, khối thi đua trong năm và đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo.

b) Thông báo kết quả tự chấm điểm, thẩm định điểm của các đơn vị trong cụm, khối thi đua.

c) Bình chọn, xếp hạng thi đua; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho đơn vị tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu cụm, khối và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đơn vị xếp thứ Nhì, Ba theo số lượng phân bổ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

d) Giới thiệu, suy tôn cụm trưởng, khối trưởng, cụm phó, khối phó thi đua năm tiếp theo.

3. Thời gian tổ chức hoàn thành chậm nhất vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng khối Giáo dục và Đào tạo (các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục thi đua theo năm học) tổ chức trước ngày 20/7 hàng năm.

MỤC 3

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO

Điều 8. Chế độ kiểm tra

1. Tùy vào tình hình thực tế và số lượng các đơn vị thành viên trong các cụm, khối thi đua, cụm trưởng, khối trưởng thống nhất với các cụm phó, khối phó xây dựng kế hoạch, chương trình và hình thức tổ chức kiểm tra phù hợp, hiệu quả, báo cáo thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý hoạt động cụm, khối.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã giao ước từ đầu năm gửi cụm trưởng, khối trưởng tổng hợp, cơ quan, đơn vị quản lý cụm, khối và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo dõi.

Điều 9. Chế độ thông tin báo cáo

Các cụm, khối thi đua thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ sơ kết 6 tháng và tổng kết năm hoặc báo cáo đột xuất (nếu có) với Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) hoặc cơ quan, đơn vị quản lý cụm, khối thi đua tổng hợp.

MỤC 4

CÁC CHỈ TIÊU THI ĐUA CHỦ YẾU VÀ THANG, BẢNG ĐIỂM CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 10. Cụm thi đua huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 700 điểm: Là các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy chế đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế, điều lệ tổ chức hội, đoàn thể Trung ương.

b) Triển khai thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Không có cán bộ vi phạm từ khiển trách trở lên (cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý; cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý).

d) Thực hiện tốt việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; tổ chức có hiệu quả, có nhiều cách làm và mô hình về triển khai thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

đ) Đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng; xếp loại tổ chức đoàn thể (nếu có).

e) Thực hiện tốt công tác dân vận, dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở.

g) Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Triển khai quán triệt thực hiện Chỉ thị, Luật Thi đua, Khen thưởng, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương.

b) Triển khai cụ thể hóa, quán triệt thực hiện Chỉ thị, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức phát động các phong trào thi đua.

c) Xây dựng ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng, văn bản hướng dẫn cụ thể hóa chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Xây dựng kế hoạch, tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước (thi đua thường xuyên; thi đua theo đợt, theo chuyên đề) gắn với nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị, địa phương và chuyên đề, đợt thi đua của tỉnh hàng năm; sơ tổng kết hàng năm và giai đoạn thi đua theo chỉ đạo của tỉnh.

đ) Triển khai thực hiện các quy định về kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

e) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến; định kỳ giới thiệu mô hình điển hình theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

g) Thực hiện tốt việc ban hành tiêu chí, thang điểm và chấm điểm thi đua đối với cụm, khối thi đua được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức, quản lý (nếu có) theo quy định tại Quy chế này.

h) Công tác kiểm tra, đánh giá, sơ tổng kết các phong trào thi đua; giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

i) Thực hiện tốt công tác khen thưởng; chất lượng xét duyệt, cho ý kiến khen thưởng; Tỷ lệ khen thưởng người lao động trực tiếp (thường xuyên, chuyên đề) cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp Nhà nước; trình tự, thủ tục hồ sơ khen thưởng, tiến độ đề nghị khen thưởng.

k) Thực hiện tốt các quy định về hoạt động sáng kiến, giải pháp; phổ biến, nhân rộng, áp dụng sáng kiến, giải pháp.

l) Thực hiện đầy đủ đúng thời gian quy định về chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Khối các cơ quan Đảng, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh (không thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ); các khối thi đua Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức, quản lý; khối các Trường Chuyên nghiệp, Cao đẳng; các đơn vị sự nghiệp do Sở giáo dục và Đào tạo tổ chức, quản lý

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn 700 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ, Ngành, Đoàn thể, Hội Trung ương hoặc đơn vị, Sở, Ngành, Đoàn thể tỉnh giao.

b) Nghiên cứu cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; Nội quy, Quy chế, Điều lệ tổ chức Hội, Đoàn thể Trung ương; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực.

c) Chất lượng, hiệu quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ tham mưu, quản lý Nhà nước, thực hiện chức năng, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực được giao.

d) Công tác nghiên cứu khoa học; hoạt động sáng kiến, giải pháp, phổ biến nhân rộng sáng kiến, giải pháp; bồi dưỡng và đào tạo cán bộ.

đ) Tham gia thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, ngày quốc phòng toàn dân, thực hiện tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ.

e) Thực hiện cải cách hành chính.

g) Thực hiện tốt công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường; vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Quy chế này.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Quy chế này.

Điều 12. Khối Doanh nghiệp, Ngân hàng và Bảo hiểm; khối Doanh nghiệp, Hợp tác xã

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 700 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Các chỉ tiêu kinh tế (*Tốc độ tăng trưởng; tổng doanh thu, năng suất lao động, lợi nhuận; nộp ngân sách, thu nhập bình quân của người lao động và các chỉ tiêu khác*).

b) Các giải pháp chủ yếu ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

c) Thực hiện các chính sách xã hội, giải quyết việc làm.

d) Tham gia xây dựng củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

đ) Thực hiện đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

e) Thực hiện hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước, chính sách đối với người lao động (Tỷ lệ người được tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp,... trên tổng số cán bộ, công nhân viên, người lao động).

g) Chăm lo đời sống, vật chất, tinh thần cho người lao động, cải thiện điều kiện việc làm, các quy định về bảo hộ lao động; tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, xây dựng nông thôn mới.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Triển khai thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống khủng bố, phòng chống rửa tiền; Luật Doanh nghiệp, quản lý thuế, Luật kế toán; các quy định pháp luật liên quan.

c) Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; vệ sinh, an toàn thực phẩm.

d) Thực hiện tốt việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; tổ chức có hiệu quả, có nhiều cách làm và mô hình về triển khai thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

đ) Thực hiện tốt các quy định về thỏa ước lao động tập thể, không để xảy ra tranh chấp lao động, khiếu kiện kéo dài, đình công, bãi công, mất an ninh trật tự; mất an toàn, gây cháy nổ, tai nạn lao động...

e) Thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức Đảng, công đoàn và các đoàn thể trong doanh nghiệp.

g) Tham gia thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, công tác quốc phòng, quân sự địa phương, thực hiện tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ, phòng cháy chữa cháy.

h) Đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng; xếp loại tổ chức đoàn thể.

i) Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác dân vận và quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Quy chế này.

Điều 13. Khôi các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hội cấp huyện

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn 700 điểm, cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị như sau:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm, gồm: Các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy chế đánh của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực do Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá (chỉ tiêu chấm điểm do Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh ban hành).

b) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm nhưng không được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm: Là các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy chế đánh của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Đối với các cơ quan, đơn vị được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm nhưng không thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm, gồm: Các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực do Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá (chỉ tiêu chấm điểm do Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh ban hành) và các chỉ tiêu do cụm khối đánh giá, chấm điểm trên cơ sở cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Huyện ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh giao; các chỉ tiêu quy định tại điểm b, c, d, đ, e và điểm g, khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

d) Đối với các cơ quan, đơn vị không thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và không được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm, gồm: Các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Huyện ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh giao; các chỉ tiêu quy định tại điểm b, c, d, đ, e và điểm g, khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Quy chế này.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Quy chế này.

Điều 14. Cụm thi đua xã, phường, thị trấn

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 700 điểm: Là các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy chế đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Quy chế này.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Triển khai quán triệt thực hiện Chỉ thị, Luật Thi đua, Khen thưởng, văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương.

b) Triển khai cụ thể hóa, quán triệt thực hiện Chỉ thị, Quyết định, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức phát động các phong trào thi đua.

c) Xây dựng ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng, văn bản hướng dẫn cụ thể hóa chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng của địa phương.

d) Xây dựng kế hoạch, tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước (thi đua thường xuyên; thi đua theo đợt, theo chuyên đề) gắn với nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ khó của địa phương và chuyên đề, đợt thi đua của tỉnh hàng năm; sơ tổng kết hàng năm và giai đoạn thi đua theo chỉ đạo của tỉnh.

đ) Triển khai thực hiện các quy định về kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng; việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

e) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến; định kỳ giới thiệu mô hình điển hình theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

g) Công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng.

h) Thực hiện tốt công tác khen thưởng; chất lượng xét duyệt, cho ý kiến khen thưởng; Tỷ lệ khen thưởng người lao động trực tiếp (thường xuyên, chuyên

đề) cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp nhà nước; trình tự, thủ tục hồ sơ khen thưởng, tiến độ đề nghị khen thưởng.

i) Thực hiện tốt các quy định về hoạt động sáng kiến, giải pháp; phổ biến, nhân rộng, áp dụng sáng kiến, giải pháp.

k) Thực hiện đầy đủ đúng thời gian quy định về chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Khối các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; Tiểu học và Trung học cơ sở cấp huyện

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn 700 điểm, gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và ngành Giáo dục và Đào tạo giao (Chỉ tiêu về số lượng, chất lượng; kết quả các mặt giáo dục; xây dựng đội ngũ; tỷ lệ học sinh chuyên lớp, tốt nghiệp trung học cơ sở...).

b) Nghiên cứu cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội giáo dục và đào tạo, chế độ chính sách của ngành.

c) Chất lượng, hiệu quả, tiến độ thực hiện chức năng, nhiệm vụ ngành giáo dục được giao.

d) Công tác nghiên cứu khoa học; hoạt động sáng kiến, giải pháp, phổ biến nhân rộng sáng kiến, giải pháp; giáo viên học sinh giỏi các cấp; bồi dưỡng và đào tạo cán bộ.

đ) Tham gia thực hiện tốt các cuộc vận động; các phong trào toàn dân đưa trẻ đến trường.

e) Thực hiện cải cách hành chính.

g) Thực hiện tốt công tác phối hợp, tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường; vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm, gồm các chỉ tiêu chính sau:

a) Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế, điều lệ trường học.

b) Triển khai thực hiện tốt Luật phòng, chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm từ khiển trách trở lên.

d) Thực hiện tốt việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; tổ chức có hiệu quả, có nhiều

cách làm và mô hình về triển khai thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

đ) Đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở Đảng; xếp loại tổ chức đoàn thể.

e) Thực hiện tốt công tác dân vận, dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở.

g) Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm, các chỉ tiêu chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Quy chế này.

MỤC 5

PHƯƠNG PHÁP, CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM; QUY TRÌNH VÀ NGUYÊN TẮC BÌNH XÉT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 16. Phương pháp, căn cứ đánh giá, chấm điểm

1. Nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và sản xuất, kinh doanh 700 điểm, phương pháp, căn cứ đánh giá, chấm điểm như sau:

a) Đối với cụm thi đua huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Lấy điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh (thang 1.000 điểm) quy về thang 700 điểm để xác định điểm cho từng cơ quan, đơn vị trong cụm, khối thi đua (điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhân với hệ số 0,7).

b) Đối với khối các cơ quan Đảng, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hội cấp tỉnh (không thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ); các khối thi đua Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức, quản lý; khối các Trường Chuyên nghiệp, Cao đẳng; các đơn vị sự nghiệp do Sở giáo dục và Đào tạo tổ chức, quản lý: Do khối tự đánh giá trên cơ sở căn cứ chỉ tiêu đăng ký thi đua từ đầu năm của các đơn vị thành viên; Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ chính trị báo cáo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương đối với cấp tỉnh; cấp ủy, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên và cấp có thẩm quyền đối với các ban, ngành, đoàn thể, Hội cấp huyện; Báo cáo Tổng kết năm của các đơn vị trong các cụm, khối thi đua và văn bản điều chỉnh số liệu của các đơn vị thành viên và các tài liệu minh chứng làm căn cứ tính điểm, tỷ lệ kết quả đạt được để chấm điểm thi đua (khối các đơn vị sự nghiệp do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, quản lý: Do khối tự đánh giá, chấm điểm; Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn được giao trong năm học).

Đối với các cơ quan Trung ương đứng chân trên địa bàn tỉnh, việc đánh giá, chấm điểm nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn phải căn cứ chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm. Các chỉ tiêu không được giao trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì căn cứ chỉ tiêu giao của Bộ, ngành chủ quản theo ngành, lĩnh vực.

c) Đối với khối Doanh nghiệp, Ngân hàng và Bảo hiểm; khối Doanh nghiệp, Hợp tác xã: Do khối thi đua tự đánh giá trên cơ sở căn cứ chỉ tiêu đăng ký thi đua từ đầu năm của các đơn vị thành viên; Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh; xác nhận của cơ quan quản lý thuế, thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động và chấp hành nghiêm những quy định về bảo vệ môi trường, sinh thái và văn bản điều chỉnh số liệu của các đơn vị thành viên và các tài liệu minh chứng làm căn cứ tính điểm, tỷ lệ kết quả đạt được để chấm điểm thi đua.

d) Đối với khối các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức hội cấp huyện:

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm: Lấy điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện (thang 1.000 điểm) quy về thang 350 điểm để xác định điểm cho từng cơ quan, đơn vị trong khối thi đua (điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhân với hệ số 0,35) cộng với 350 điểm do các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm (thang 100 điểm nhân với hệ số 3,5 để quy thành thang 350 điểm).

Đối với cơ quan, các đơn vị thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm nhưng không được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm: Lấy điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện (thang 1.000 điểm) quy về thang 700 điểm để xác định điểm cho từng cơ quan, đơn vị trong khối thi đua (điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhân với hệ số 0,7).

Đối với cơ quan, các đơn vị được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm nhưng không thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm: 350 điểm do các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm (thang 100 điểm nhân với hệ số 3,5 để quy thành thang 350 điểm) cộng với 350 điểm do khối đánh giá, chấm điểm trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Huyện ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh giao; các chỉ tiêu quy định tại điểm b, c, d, đ, e và điểm g, khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

Đối với cơ quan, các đơn vị không thuộc đối tượng Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và không được các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp tỉnh đánh giá, chấm điểm: Do khối đánh giá, chấm điểm (thang 700 điểm) trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được Huyện ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh giao; các chỉ tiêu quy định tại điểm b, c, d, đ, e và điểm g, khoản 1, Điều 11, Quy chế này.

đ) Đối với cụm xã, phường, thị trấn: Lấy điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy về thang 700 điểm để xác định điểm cho từng cơ quan, đơn vị trong cụm, khối thi đua (điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ nhân với hệ số 0,7).

e) Đối với khối các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở; Tiểu học và Trung học cơ sở cấp huyện: Do khối đánh giá, chấm điểm (thang 700 điểm); Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện thẩm định trên cơ sở các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và ngành Giáo dục và Đào tạo giao và các tiêu chí quy định tại khoản 1, Điều 15, Quy chế này.

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh 200 điểm: Do cơ quan, đơn vị, địa phương và cụm, khối thi đua tự chấm điểm đánh giá, chấm điểm trên cơ sở căn cứ thể hóa những nội dung, tiêu chí thi đua chủ yếu quy định tại khoản 2, Điều 10; khoản 2, Điều 13 và khoản 2, Điều 15, Quy chế này. Các cụm, khối thi đua có thể bổ sung thêm một số tiêu chí thi đua cho phù hợp với đặc thù của cụm, khối, nhưng không vượt quá 30% số tiêu chí đã quy định trong từng nội dung.

3. Nhóm chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng 100 điểm: Do cơ quan, đơn vị, địa phương và cụm, khối thi đua tự chấm điểm đánh giá, chấm điểm; cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh và cơ quan tổ chức, quản lý cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền (Thường Hội đồng Thi đua các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng cấp huyện) thẩm định lại trên cơ sở tài liệu minh chứng và theo dõi chế độ thông tin báo cáo, tài liệu theo dấu công văn đến theo các chỉ tiêu chủ yếu quy định tại khoản 3, Điều 10 và khoản 3, Điều 14, Quy chế này.

Điều 17. Điểm cộng, điểm trừ

1. Điểm cộng

Dùng để thưởng cho các chỉ tiêu thuộc nhóm chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và sản xuất, kinh doanh, cụ thể như sau:

a) Đối với cụm thi đua huyện, thành phố; cụm thi đua xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Là điểm thưởng trong kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm. Điểm thưởng tối đa là 50 điểm (các cơ quan, đơn vị, địa phương có điểm thưởng hoàn thành nhiệm vụ lớn hơn 50, các cụm, khối thi đua quy về thang 50 điểm để làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua).

b) Đối với các khối thi đua khác và các cơ quan, đơn vị không được Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Là điểm thưởng cho các chỉ tiêu có định lượng được quy định tại khoản 1, Điều 11 và khoản 1, Điều 12, Quy chế này. Các khối thi đua thực hiện thưởng điểm theo nguyên tắc mỗi chỉ tiêu vượt 1% cộng 01 điểm nhưng không quá 10% tổng số điểm chuẩn của từng chỉ tiêu. Tổng số điểm thưởng không quá 50 điểm.

2. Điểm trừ: Nếu kết quả các chỉ tiêu thi đua được quy định tại khoản 1, Điều 11 và khoản 1, Điều 12, Quy chế này thực hiện thấp hơn 1% so kế hoạch (đăng ký thi đua) sẽ bị trừ 02 điểm cho mỗi chỉ tiêu nhưng không quá 20% tổng số điểm chuẩn của từng chỉ tiêu. Tổng số điểm trừ không quá 100 điểm.

Điều 18. Quy trình và nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1 Quy trình bình xét thi đua, khen thưởng thực hiện như sau:

- a) Các đơn vị thành viên tự chấm điểm.
- b) Cụm, khối thi đua tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả.
- c) Tổng hợp, thẩm định lại kết quả tự chấm điểm thông báo cho các đơn vị thành viên.
- d) Báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc cơ quan quản lý cụm, khối và thành viên Hội đồng được phân công theo dõi, chỉ đạo cụm, khối thi đua theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 4, Quy chế này.
- đ) Tổ chức cuộc họp tổng kết, bình xét thi đua.

2. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

a) Đơn vị có số điểm cao nhất của cụm, khối thi đua (đơn vị được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) nếu đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng đề nghị tặng Cờ thi đua dẫn đầu cụm, khối thi đua; các đơn vị có số điểm đạt kế tiếp là đơn vị được đề nghị tặng Bằng khen đơn vị xếp thứ Nhì, Ba cụm, khối theo quy định.

b) Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong trường hợp khi có từ 02 đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau.

c) Căn cứ kết quả bình xét và đề nghị trình khen của các cụm, khối thi đua, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổng hợp báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân

dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn 20% trong số những đơn vị đạt Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 19. Những trường hợp không xét khen thưởng

1. Không đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm.
2. Đơn vị có các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, có sai phạm phải xử lý kỷ luật trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
3. Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ các cơ quan có thẩm quyền kết luận.
4. Các cụm, khối hoạt động không tuân thủ đúng các quy định tại Quy chế này, sẽ không được công nhận kết quả bình xét thi đua.
5. Những đơn vị không có báo cáo tổng kết thi đua và bảng chấm điểm sẽ không xét công nhận các danh hiệu thi đua; không xét khen thưởng và hiệp y khen thưởng cho tập thể đơn vị và cá nhân người đứng đầu đơn vị đó.

MỤC 6

CƠ CẤU, SỐ LƯỢNG ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 20. Cơ cấu, số lượng đề nghị khen thưởng

Cơ cấu, số lượng đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đơn vị dẫn đầu; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho đơn vị xếp thứ Nhì, thứ Ba các cụm, khối thi đua như sau:

1. Đối với cụm, khối thi đua của tỉnh
 - a) Cụm, khối có dưới 06 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì.
 - b) Cụm, khối từ 06 đến 08 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.
 - c) Cụm, khối có 09 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.
 - d) Cụm, khối có 10 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.
 - đ) Cụm, khối từ 11 trở lên: 01 Cờ thi đua, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 03 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.
2. Đối với khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các sở, ban, ngành tổ chức, quản lý:

a) Khối dưới 09 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì.

b) Khối từ 09 đến 13 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

c) Khối từ 14 đến 20 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 03 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

d) Khối từ 21 đến 30 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 03 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 04 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

đ) Khối trên 30 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 04 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 05 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

3. Đối với cụm, khối thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quản lý

a) Cụm thi đua xã, phường, thị trấn:

Cụm dưới 15 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Cụm từ 15 đến 20 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Cụm trên 20 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

b) Khối thi đua Doanh nghiệp; Khối thi đua Hợp tác xã: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

c) Khối Cơ quan Đảng; Khối Cơ quan Nội chính: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

đ) Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Khối Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

d) Khối Cơ quan Quản lý Nhà nước về Kinh tế - Kỹ thuật; Khối Cơ quan tham mưu, tổng hợp: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

e) Khối Cơ quan Quản lý Nhà nước về Văn hóa - Xã hội; Khối Ban quản lý và Trung tâm thuộc cấp huyện: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

4. Khối thi đua Giáo dục (các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục thi đua theo năm học)

a) Khối Trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

b) Khối thi đua các trường Trung học phổ thông và Khối thi đua các trường phổ thông Dân tộc nội trú do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, quản lý:

Khối dưới 13 đơn vị: 01 Cờ thi đua, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 01 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Khối từ 13 đơn vị trở lên: 01 Cờ thi đua, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

c) Các khối thi đua trường Mầm non; Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học cơ sở và Tiểu học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức, quản lý:

Cờ thi đua cho 02 đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của cả 04 khối.

Huyện, thành phố có dưới 30 đơn vị trường học (thuộc các cấp học trên): 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 02 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Huyện, thành phố có từ 30 đến dưới 45 đơn vị trường học: 03 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 04 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Huyện, thành phố có từ 45 đến dưới 60 đơn vị trường học: 04 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 05 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Huyện, thành phố có từ 60 đơn vị trường học trở lên: 05 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Nhì, 06 Bằng khen cho đơn vị xếp thứ Ba.

Điều 21. Thủ tục, hồ sơ, thời gian và tuyến trình khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo Hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hàng năm.

2. Thời gian trình khen thưởng: Chậm nhất sau 5 ngày làm việc tính từ ngày diễn ra hội nghị tổng kết, cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua của tỉnh; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương được giao quản lý cụm, khối thi đua phải hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) khen thưởng cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của cụm, khối.

3. Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Quy chế này, cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm xây dựng tiêu chí thi đua cụ thể, phù hợp, thảo luận

và thống nhất với các thành viên của Cụm, khối mình thực hiện các nội dung thi đua theo đúng quy định. Tổ chức ký kết giao ước thi đua và đăng ký các chỉ tiêu thi đua theo quy định hiện hành.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tổ chức, quản lý cụm, khối; được giao chấm điểm thi đua theo ngành, lĩnh vực:

a) Chịu trách nhiệm cụ thể hóa quy định này thành Quy định tổ chức, hoạt động và hướng dẫn các cụm, khối thi đua trực thuộc theo quy định của pháp luật và Quy chế này. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và cơ quan quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh về tổ chức và hoạt động của cụm, khối thi đua do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức; kiểm tra, giám sát, theo dõi, chỉ đạo, xét duyệt, đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm ban hành tiêu chí, thang điểm ngành, lĩnh vực và kết quả chấm điểm cho các phòng, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức hội cấp huyện theo quy định tại Quy chế này, tổng hợp gửi kết quả về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo kết quả chấm điểm về các phòng, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức hội cấp huyện trước ngày 10/12 hàng năm; các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trước ngày 30/6 hàng năm để tổng hợp, bình xét thi đua.

3. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả chấm điểm ngành, lĩnh vực của các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, thông báo cho Khối thi đua tổng hợp, chấm điểm; báo cáo Hội đồng tại kỳ họp xét, khen thưởng tổng kết thi đua vào cuối năm.

4. Trong quá trình thực hiện, những vướng mắc, phát sinh (nếu có), đề nghị các đơn vị phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang